TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN DIÊN KHÁNH** **TỈNH KHÁNH HÒA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2019/DS-ST
Ngày: 31-7-2019
V/v tranh chấp yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DIÊN KHÁNH, TỈNH KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Tín
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Trực
Ông Lê Quốc Tân

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Bảo Trâm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa: Ông Hồ Hữu Nghĩa - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 08/2019/TLST-DS ngày 22/01/2019 về việc "Tranh chấp yêu cầu thực hiện nghĩa vụ thanh toán" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2019/QĐXXST-DS ngày 28/6/2019, Thông báo thay đổi ngày xét xử vụ án số: 231/2019/TB-TA ngày 19/7/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông **Phạm Lê T**, sinh năm: 197x
Địa chỉ: Đường H.C, phường V, thành phố N, Khánh Hòa
Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm: 196x; địa chỉ: Đường H.V, phường L, thành phố N, Khánh Hòa; địa chỉ liên hệ: Đường N, phường P, thành phố N, Khánh Hòa (theo giấy ủy quyền ngày 21/3/2019); có mặt.

Bị đơn: Ông **Võ Đức Th**, sinh năm: 197x
Địa chỉ: Thôn N, xã D, huyện D.K, Khánh Hòa; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 05/12/2018 của ông Phạm Lê T; quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà Nguyễn Thị H là người đại diện của nguyên đơn trình bày:

Ngày 28/10/2015, tại Văn phòng công chứng Hoàng Long, ông Phạm Lê T và ông Võ Đức Th đã ký Văn bản thỏa thuận và cam kết về việc cùng chung vốn mua xe ô tô để kinh doanh. Theo đó, ông T góp 335.000.000 đồng, ông Th góp 200.000.000 đồng để mua xe ô tô nhãn hiệu Thaco Forland biển số: 79C.080.08; ông Th là người đứng tên chủ xe.

Khoảng giữa năm 2017, ông Th có báo cho ông T biết việc ông Th sẽ bán xe ô tô nêu trên vì việc kinh doanh không hiệu quả. Ngày 01/10/2017, ông T nghe ông Th nói đã bán xe ô tô trên cho bà T1 với số tiền 345.000.000 đồng. Do ông Th khó khăn nên ông T và ông Th đã thống nhất số tiền mà ông Th phải trả cho ông T từ số tiền mà ông Th đã bán xe ô tô là 200.000.000 đồng thay vì nếu chia theo tỷ lệ vốn góp 62,6% phải là 215.970.000 đồng; đồng thời, ông Th đã viết giấy Giấy hẹn nợ cam kết trong vòng một tháng sẽ trả số tiền này cho ông T. Tuy nhiên, ông Th đã không thực hiện đúng nội dung cam kết. Ngày 24/12/2017, ông Th chỉ trả được 70.000.000 đồng và viết Giấy nợ tiền với nội dung cam kết số tiền còn lại ra Tết sẽ trả cho ông T hàng tháng từ 5.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng. Nhưng sau đó, ông Th chỉ trả được 18.000.000 đồng; cụ thể, từ tháng 3 đến tháng 5 năm 2018, mỗi tháng trả 5.000.000 đồng, tháng 6/2018 trả 3.000.000 đồng; từ tháng 7/2018 đến nay, ông Th không trả tiền cho ông T nữa. Tổng số tiền mà ông Th đã trả cho ông T là 88.000.000 đồng.

Nay ông T yêu cầu ông Th phải trả một lần số tiền chưa thanh toán từ việc ông Th bán xe ô tô nêu trên là 112.000.000 đồng và khoản tiền lãi phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền tương ứng với số tiền nêu trên, mức lãi suất 0,83%/tháng, kể từ tháng 7/2018 đến nay là 12 tháng, số tiền là 11.155.000 đồng; tổng cộng là 123.155.000 đồng.

- Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn ông Võ Đức Th trình bày:

Việc ông Th và ông T thỏa thuận cùng chung vốn mua xe ô tô nhãn hiệu Thaco Forland biển số: 79C.080.08 đúng như nguyên đơn trình bày.

Khoảng tháng 7/2017, do việc kinh doanh không hiệu quả nên ông Th có báo cho ông T biết việc sẽ bán xe ô tô nêu trên và ông T đồng ý. Vài tháng sau, ông Th và bà Hồ Thị Thanh T1 đã thỏa thuận miệng với nhau về việc mua bán xe ô tô mà ông Th và ông T đã cùng góp vốn mua với giá 360.000.000 đồng. Ngày 01/10/2017, ông T có hỏi việc mua bán xe ô tô và ông Th nói là đã bán xe ô tô với số tiền 345.000.000 đồng (vì trừ chi phí cho người môi giới 15.000.000 đồng). Đồng thời các bên thống nhất số tiền mà ông Th phải trả cho ông T từ số tiền mà ông Th đã bán xe ô tô là 200.000.000 đồng và ông Th đã viết giấy hẹn có nội dung như nguyên đơn trình bày. Ngày 06/11/2017, ông Th và bà T1 đến Văn phòng công chứng Trung Tâm để lập hợp đồng mua bán xe ô tô nêu trên. Tại đây, các bên đã thực hiện xong quyền, nghĩa vụ của mình theo nội dung thỏa thuận trong hợp đồng. Ngày 24/12/2017, ông Th đã trả cho ông T 70.000.000 đồng và viết Giấy nợ tiền với nội dung cam kết như nguyên đơn trình bày. Từ tháng 3 đến tháng 6 năm 2018, ông Th đã trả cho ông T 18.000.000 đồng đúng như nguyên đơn trình bày; kể từ tháng 7/2018 trở đi thì không có khả năng trả nữa. Tổng số tiền mà ông Th đã trả cho ông T là 88.000.000 đồng.

Nay ông Th đồng ý trả cho ông T 112.000.000 đồng theo như yêu cầu của nguyên đơn. Tuy nhiên, do hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên ông Th xin được trả dần mỗi tháng 5.000.000 đồng cho đến khi trả xong. Đối với việc nguyên đơn yêu cầu trả khoản tiền lãi phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền là 11.155.000 đồng thì ông không đồng ý, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

- *Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện Diên Khánh*:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự. Đương sự đã chấp hành đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Sau khi xem xét đầy đủ, toàn diện ý kiến của đương sự tại phiên tòa và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 280 của Bộ luật Dân sự, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc ông Th phải trả cho ông T một lần số tiền 112.000.000 đồng và khoản tiền lãi phát sinh do chậm trả đối với số tiền nêu trên theo quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa; ý kiến trình bày, tranh luận của các đương sự, có cơ sở khẳng định: Ngày 06/11/2017, ông Th đã bán xe ô tô nhãn hiệu Thaco Forland biển số: 79C.080.08 cho bà T1 và được Văn phòng công chứng Trung Tâm công chứng số 15435. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, các đương sự đều thống nhất số tiền mà ông Th phải trả cho ông T từ khoản tiền bán xe ô tô nêu trên là 200.000.000 đồng. Xét đây là sự tự nguyện thỏa thuận của đương sự và không trái pháp luật nên ghi nhận. Các đương sự xác định số tiền ông Th đã trả cho ông T là 88.000.000 đồng. Do đó, việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn có nghĩa vụ trả số tiền còn lại là 112.000.000 đồng là có căn cứ chấp nhận. Bị đơn đồng ý trả số tiền nêu trên cho nguyên đơn nhưng xin trả dần hàng tháng 5.000.000 đồng vì kinh tế khó khăn, nhưng phía nguyên đơn không đồng ý và yêu cầu phải thanh toán toàn bộ số tiền một lần; do đó, ý kiến xin trả dần hàng tháng của bị đơn là không có cơ sở chấp nhận.

[2]. Đối với yêu cầu trả khoản tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền nhận thấy: Các bên đều thừa nhận vào ngày 01/10/2017, ông T và ông Th đã thống nhất số tiền mà ông Th phải trả cho ông T từ số tiền mà ông Th đã bán xe ô tô là 200.000.000 đồng và ông Th đã viết Giấy hẹn sẽ giải quyết số tiền này cho ông T trong vòng một tháng nhưng ông Th đã không thực hiện đúng nội dung đã hứa hẹn. Ngày 24/12/2017, ông Th chỉ trả cho ông T 70.000.000 đồng và viết Giấy nợ tiền có nội dung cam kết: Số tiền còn lại ra Tết làm trả hàng tháng từ 5.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng. Nếu ông Th không làm theo những gì đã hứa thì ông Th sẽ chịu hoàn toàn trách nhiệm với pháp luật hay những gì ông T

yêu cầu. Nhưng sau đó, ông Th chỉ trả cho ông T 18.000.000 đồng; từ tháng 7/2018 đến nay, ông Th không trả tiền cho ông T nữa. Như vậy, ông Th đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền theo nội dung đã cam kết. Do đó, nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả khoản tiền lãi phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền đối với số tiền chưa thanh toán 112.000.000 đồng, với mức lãi suất 0,83%/tháng, kể từ tháng 7/2018 đến nay (phiên tòa xét xử sơ thẩm) là 12 tháng, số tiền 11.155.000 đồng là có căn cứ, phù hợp quy định của pháp luật nên chấp nhận.

[3]. Về án phí dân sự:

[3.1] Bị đơn phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 6.157.000 đồng (123.155.000 đồng x 5%).

[3.2]. Hoàn lại cho nguyên đơn tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 147, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 280, Điều 352, Điều 353, Điều 357, Điều 468, Điều 504, Điều 507 của Bộ luật Dân sự 2015;

Căn cứ Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc ông Võ Đức Th phải trả cho ông Phạm Lê T tổng cộng là 123.155.000 đồng (*Một trăm hai mươi ba triệu một trăm năm mươi lăm nghìn đồng*); trong đó, tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền là 11.155.000 đồng.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

2.1. Ông Võ Đức Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 6.157.000 đồng (*Sáu triệu một trăm năm mươi bảy nghìn đồng*).

2.2. Hoàn lại cho ông Phạm Lê T 2.800.000 đồng (*Hai triệu tám trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2016/0002476 ngày 22/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa.

3. Quy định: Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật

Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

**** Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND huyện Diên Khánh;
- Chi cục THADS huyện Diên Khánh;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

(Đã ký)

Nguyễn Trung Tín